



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1,065,978,124,946</b>	<b>1,482,037,900,551</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25,849,336,606	300,291,079,527
111	1. Tiền		24,849,336,606	101,191,079,527
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,000,000,000	199,100,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17,000,000,000	17,000,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17,000,000,000	17,000,000,000
	- Tiền gửi có kỳ hạn		17,000,000,000	17,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		878,599,506,880	911,454,295,793
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	361,452,888,124	155,300,327,129
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	440,519,339,085	689,891,145,729
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	80,093,494,021	70,356,706,285
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3,466,214,350)	(4,093,883,350)
140	IV. Hàng tồn kho	8	108,894,948,925	247,396,475,769
141	1. Hàng tồn kho		108,894,948,925	247,396,475,769
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35,634,332,535	5,896,049,462
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1,557,289,701	432,164,156
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		31,984,159,411	5,463,885,306
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2,092,883,423	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1,038,204,325,622</b>	<b>751,583,263,763</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20,409,704,998	20,801,325,640
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	21,290,450,000	21,290,450,000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(880,745,002)	(489,124,360)
220	II. Tài sản cố định		171,751,436,076	153,143,008,715
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	84,975,994,637	69,201,845,185
222	- Nguyên giá		100,082,622,843	78,903,362,693
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15,106,628,206)	(9,701,517,508)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	86,775,441,439	83,941,163,530
228	- Nguyên giá		86,775,441,439	83,941,163,530
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	140,120,743,878	168,637,354,885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		140,120,743,878	168,637,354,885
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	375,066,834,477	399,739,158,351
251	1. Đầu tư vào công ty con		13,720,000,000	162,511,249,500
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		105,869,499,500	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295,089,294,645	238,375,513,760
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(39,611,959,668)	(1,147,604,909)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		330,855,606,193	9,262,416,172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	330,855,606,193	9,262,416,172
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2,104,182,450,568</b>	<b>2,233,621,164,314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1,372,481,730,334</b>	<b>1,485,324,125,589</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>930,027,978,789</b>	<b>1,397,200,405,589</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	153,974,766,748	187,458,993,529
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4,047,745,138	315,155,327,008
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	-	9,551,920,342
314	4. Phải trả người lao động		-	744,000,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2,767,777,778	990,555,556
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	14,484,593,517	7,996,247,877
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	750,889,202,360	875,303,361,277
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3,863,893,248	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>442,453,751,545</b>	<b>88,123,720,000</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	13	150,806,158,560	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	291,647,592,985	88,123,720,000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>731,700,720,234</b>	<b>748,297,038,725</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>731,700,720,234</b>	<b>748,297,038,725</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		639,999,280,000	639,999,280,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		639,999,280,000	639,999,280,000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(5,666,100,000)	(5,666,100,000)
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7,727,786,496	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		89,639,753,738	113,963,858,725
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		56,090,065,506	33,924,237,009
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		33,549,688,232	80,039,621,716
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
431	0. Nguồn kinh phí		-	-
432	0. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2,104,182,450,568</b>	<b>2,233,621,164,314</b>

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trịnh Thị Thanh Huyền

Bùi Thị Ngọc

Nguyễn Thị Thanh Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ	Lũy kế 9 tháng đầu	Kỳ kế toán từ	9 tháng đầu năm
			01/07/2016 đến 30/09/2016	năm 2016	01/07/2015 đến 30/09/2015	2015
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	932,265,711,980	3,393,500,457,619	1,147,793,459,566	2,631,950,075,031
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		932,265,711,980	3,393,500,457,619	1,147,793,459,566	2,631,950,075,031
11	4. Giá vốn hàng bán	21	891,766,312,154	3,252,115,877,736	1,106,187,976,915	2,492,063,694,628
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40,499,399,826	141,384,579,883	41,605,482,651	139,886,380,403
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	789,219,552	14,766,767,374	3,400,239,551	7,285,656,806
22	7. Chi phí tài chính	23	10,143,016,029	82,826,338,154	6,884,013,554	24,055,232,515
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13,750,902,906	13,750,902,906	6,070,564,301	18,358,716,702
25	8. Chi phí bán hàng	24	2,962,585,812	25,518,129,296	3,952,026,686	30,665,155,560
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,631,862,887	6,697,418,112	2,247,018,767	6,031,666,832
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25,551,154,650	41,109,461,695	31,922,663,195	86,419,982,302
31	11. Thu nhập khác		101,785,348	1,077,723,479	1,401,909,305	3,816,556,736
32	12. Chi phí khác		3,479,073	230,380,365	17,524,538	251,268,230
40	13. Lợi nhuận khác		98,306,275	847,343,114	1,384,384,767	3,565,288,506

30878  
: TY  
: AN  
: KHẨU  
: HINH  
: HẢI PHÒNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25,649,460,925	41,956,804,809	33,307,047,962	89,985,270,808
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5,135,040,200	8,407,116,577	7,327,550,552	19,799,566,816
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20,514,420,725	33,549,688,232	25,979,497,410	70,185,703,992
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		524		2,193

Trịnh Thị Thanh Huyền  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2016

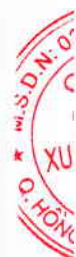


**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		41,956,804,809	89,985,270,808
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5,405,110,698	4,545,042,116
03	- Các khoản dự phòng		38,228,306,401	(650,000,000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2,909,990	813,449,253
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12,173,222,906)	(2,355,152,215)
06	- Chi phí lãi vay		13,750,902,906	18,358,716,702
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		87,170,811,898	110,697,326,664
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		200,921,695,973	(105,874,913,631)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		138,501,526,844	36,517,147,370
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(220,092,832,275)	107,051,984,754
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(322,718,315,566)	473,048,889
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11,898,680,684)	(18,358,716,702)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20,041,745,892)	(22,891,422,069)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(148,157,539,702)	107,614,455,275
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(118,803,106,193)	(103,591,474,897)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3,600,000,000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3,600,000,000	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(56,713,780,885)	(102,217,950,000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38,629,575,000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		643,679,906	2,355,152,215
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(174,873,207,172)	(203,454,272,682)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2,145,476,606,224	1,194,165,323,286
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2,066,366,892,156)	(1,000,309,755,606)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(30,517,800,125)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		48,591,913,943	193,855,567,680



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(274,438,832,931)	98,015,750,273
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		300,291,079,527	29,515,966,090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2,909,990)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>25,849,336,606</u>	<u>127,531,716,363</u>

**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Người lập**Bùi Thị Ngọc**  
Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2016

00730  
ÔNG  
CỔ PH  
T NH  
QUẢNG  
BÀNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 639.999.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 639.999.280.000 đồng; tương đương 63.999.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty tại Cao Bằng	Cao Bằng	Thương mại và dịch vụ
Văn phòng đại diện Móng Cái	Quảng Ninh	Thương mại và dịch vụ
Nhà máy NPK Thủy Nguyên	Hải Phòng	Sản xuất phân bón

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân kỳ kế toán (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán hoặc tỷ giá giao dịch thực tế nếu tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

### 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 15 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 06 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 09 năm |

20073  
CÔNG  
CỔ PH  
T NHẬP  
KHẨU  
QUẢNG  
BÌNH

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

### 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

### 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

0878-  
: TY  
I AN  
. P KH A  
BINH  
T. P H A

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.18 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

#### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	8,299,692,782	6,684,919,139
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16,549,643,824	94,506,160,388
Các khoản tương đương tiền	1,000,000,000	199,100,000,000
	<u>25,849,336,606</u>	<u>300,291,079,527</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>17,000,000,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000
	<b>17,000,000,000</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>17,000,000,000</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>13,720,000,000</b>	-	-	<b>162,511,249,500</b>
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	13,720,000,000	-	-	13,720,000,000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	-	-	-	148,791,249,500
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>105,869,499,500</b>	<b>104,499,857,027</b>	<b>(1,369,642,473)</b>	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105,869,499,500	104,499,857,027	(1,369,642,473)	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>295,089,294,645</b>	<b>256,846,977,450</b>	<b>(38,242,317,195)</b>	<b>238,375,513,760</b>
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295,089,294,645	256,846,977,450	(38,242,317,195)	238,375,513,760
	<b>414,678,794,145</b>	<b>361,346,834,477</b>	<b>(39,611,959,668)</b>	<b>400,886,763,260</b>
				<b>147,643,644,591</b>
				<b>(1,147,604,909)</b>

00730  
ÔNG T  
Ô PH  
NHẬP  
IANG B  
NG T.F

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	98.00%	98.00%	Hoạt động thương mại các sản phẩm phục vụ nông nghiệp

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Thành phố Hà Nội	36.29%	36.29%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Hải phòng	19.17%	19.17%	Sản xuất phân bón

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	30,913,620,597	35,094,265,840
Công ty TNHH Hoàng Trung	34,721,655,913	57,094,595,850
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	29,470,430,880	21,367,154,849
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	158,991,056,852	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	107,356,123,882	41,744,310,590
	<b><u>361,452,888,124</u></b>	<b><u>155,300,327,129</u></b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
Ngắn hạn	361,452,888,124	155,300,327,129
	<b><u>361,452,888,124</u></b>	<b><u>155,300,327,129</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Phát triển Phân Bón Đình Vũ	25,460,000,000	-	131,450,779,054	-
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	-	76,042,998,079	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	168,673,963,097	-	410,420,040,697	-
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	40,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Dũng Huy	38,105,700,000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	168,279,675,988	-	71,977,327,899	-
	<b>440,519,339,085</b>	<b>-</b>	<b>689,891,145,729</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,650,656,627	-	2,735,516,560	-
Phải thu từ hoạt động thoái vốn đầu tư	4,292,175,000	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	69,258,314	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	221,305	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	213,040	-
Tạm ứng	11,116,299,853	-	7,722,546,511	-
Ký cược, ký quỹ	55,441,126,267	-	24,058,386,425	-
Cho mượn	2,000,000,000	-	2,000,000,000	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	4,579,076,250	-	33,584,534,014	-
Phải thu khác	14,160,024	-	186,030,116	-
	<b>80,093,494,021</b>	<b>-</b>	<b>70,356,706,285</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**b) Dài hạn**

Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh	21,290,450,000	(880,745,002)	21,290,450,000	(489,124,360)
--	----------------	---------------	----------------	---------------

	<u>21,290,450,000</u>	<u>(880,745,002)</u>	<u>21,290,450,000</u>	<u>(489,124,360)</u>
--	-----------------------	----------------------	-----------------------	----------------------

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	14,733,762,359	-	9,237,045,922	-
Công cụ, dụng cụ	98,375,980	-	134,116,036	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3,978,188,098	-	2,355,919,147	-
Thành phẩm	18,567,263,299	-	16,024,592,652	-
Hàng hoá	71,517,359,189	-	219,644,802,012	-
	<u>108,894,948,925</u>	<u>-</u>	<u>247,396,475,769</u>	<u>-</u>

**9 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	69,493,582,902	36,327,991,881
Dự án Kho Ngoại quan Lào Cai	-	24,937,500,000
Dự án Xây dựng kho nội địa 2	25,146,000,000	25,146,000,000
Dự án xây dựng trụ sở văn phòng	-	82,000,000,000
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	44,792,979,158	-
Dự án khác	688,181,818	225,863,004
	<u>140,120,743,878</u>	<u>168,637,354,885</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	66,692,874,191	953,983,362	9,591,234,546	1,665,270,594	-	78,903,362,693
Mua trong kỳ	3,499,913,365	1,311,309,257	15,988,561,664	379,475,864	-	17,679,346,785
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(3,186,352,041)	-	-	-	-	3,499,913,365
Phân loại lại		3,186,352,041	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>67,006,435,515</b>	<b>5,451,644,660</b>	<b>25,579,796,210</b>	<b>2,044,746,458</b>	-	<b>100,082,622,843</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	7,583,595,716	243,406,389	1,388,652,692	485,862,711	-	9,701,517,508
Khấu hao trong kỳ	3,964,140,571	298,249,041	956,158,717	186,562,369	-	5,405,110,698
Phân loại lại	(230,903,372)	230,903,372	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11,316,832,915</b>	<b>772,558,802</b>	<b>2,344,811,409</b>	<b>672,425,080</b>	-	<b>15,106,628,206</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	59,109,278,475	710,576,973	8,202,581,854	1,179,407,883	-	69,201,845,185
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>55,689,602,600</b>	<b>4,679,085,858</b>	<b>23,234,984,801</b>	<b>1,372,321,378</b>	-	<b>84,975,994,637</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Giá trị quyền sử dụng đất</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	83,941,163,530
Mua sắm mới	2,834,277,909
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>86,775,441,439</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	83,941,163,530
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>86,775,441,439</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	197,596,963	295,051,480
Chi phí bảo hiểm cho nhân viên	833,333,334	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	526,359,404	137,112,676
	<b>1,557,289,701</b>	<b>432,164,156</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất dài hạn	322,767,721,846	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4,334,127,249	2,367,590,448
Chi phí sửa chữa tài sản	3,318,428,436	3,539,470,872
Chi phí trả trước dài hạn khác	435,328,662	3,355,354,852
	<b>330,855,606,193</b>	<b>9,262,416,172</b>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH TMDV Hiệp Quang	23,139,322,014	23,139,322,014	23,139,322,014	23,139,322,014
MARUBENI CORPORATION	29,655,931,234	29,655,931,234	131,163,382,241	131,163,382,241
Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	150,806,158,560	150,806,158,560	-	-
Phải trả các đối tượng khác	101.179.513.500	101.179.513.500	33,156,289,274	33,156,289,274
	<b>304,780,925,308</b>	<b>304,780,925,308</b>	<b>187,458,993,529</b>	<b>187,458,993,529</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Ngắn hạn	153,974,766,748	153,974,766,748	187,458,993,529	187,458,993,529
Dài hạn	150,806,158,560	150,806,158,560	-	-
	<b>304,780,925,308</b>	<b>304,780,925,308</b>	<b>187,458,993,529</b>	<b>187,458,993,529</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PEÁI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	847,201,024	847,201,024	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9,541,745,892	9,541,745,892	8,407,116,577	20,041,745,892	(2,092,883,423)	(2,092,883,423)	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	10,174,450	10,174,450	1,495,211,362	1,505,385,812	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	6,000,000	6,000,000	-	-	-	-	-
	-	<b>9,551,920,342</b>	<b>9,551,920,342</b>	<b>10,755,528,963</b>	<b>22,400,332,728</b>	<b>(2,092,883,423)</b>	<b>(2,092,883,423)</b>	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2,767,777,778	915,555,556
Chi phí phải trả khác	-	75,000,000
	<u><u>2,767,777,778</u></u>	<u><u>990,555,556</u></u>

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	73,116,232	20,354,972
Bảo hiểm xã hội	95,725,890	-
Bảo hiểm y tế	16,567,943	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7,363,530	-
Phải trả công nhân viên ứng trước	9,670,447	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14,282,149,475	-
Lãi mua hàng trả chậm	-	7,975,892,905
	<u><u>14,484,593,517</u></u>	<u><u>7,996,247,877</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hà Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

	01/01/2016		Trong kỳ		30/09/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	874,675,721,277	874,675,721,277	1,942,136,548,422	2,066,016,727,339	750,795,542,360	750,795,542,360
- Chi nhánh Thủ Đức <sup>(1)</sup>	478,040,000,000	478,040,000,000	427,362,102,500	535,270,852,500	370,131,250,000	370,131,250,000
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH <sup>(2)</sup>	-	-	37,179,000,000	-	37,179,000,000	37,179,000,000
- Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(3)</sup>	104,096,556,335	104,096,556,335	271,706,140,000	305,802,696,335	70,000,000,000	70,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(4)</sup>	20,100,000,000	20,100,000,000	283,188,012,660	153,985,512,660	149,302,500,000	149,302,500,000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	4,746,527,270	4,746,527,270	441,495,470	5,188,022,740	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Phòng <sup>(5)</sup>	262,882,335,700	262,882,335,700	803,221,329,124	941,920,872,464	124,182,792,360	124,182,792,360
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(6)</sup>	4,810,301,972	4,810,301,972	119,038,468,668	123,848,770,640	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	627,640,000	627,640,000	-	533,980,000	93,660,000	93,660,000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - Chi nhánh Hải Phòng	374,640,000	374,640,000	-	280,980,000	93,660,000	93,660,000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - Chi nhánh Hải Phòng	253,000,000	253,000,000	-	253,000,000	-	-
	<b>875,303,361,277</b>	<b>875,303,361,277</b>	<b>1,942,136,548,422</b>	<b>2,066,550,707,339</b>	<b>750,889,202,360</b>	<b>750,889,202,360</b>

20073  
CÔNG  
CỔ PH  
ẤT NH  
QUẢNG  
BÀNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/09/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn <sup>(8)</sup>	80,000,000,000	80,000,000,000	60,000,000,000	-	140,000,000,000	140,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(9)</sup>	7,000,000,000	7,000,000,000	-	-	7,000,000,000	7,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(10)</sup>	1,123,720,000	1,123,720,000	200,000	-	1,123,920,000	1,123,920,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng <sup>(1)</sup>	-	-	143,523,672,985	-	143,523,672,985	143,523,672,985
	<b>88,123,720,000</b>	<b>88,123,720,000</b>	<b>203,523,872,985</b>	<b>-</b>	<b>291,647,592,985</b>	<b>291,647,592,985</b>

PHẢI  
JINH  
KHẢ  
AN  
TY  
878



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>9 tháng đầu năm 2015</b>					
Số dư đầu kỳ	320,000,000,000	-	-	97,923,517,009	417,923,517,009
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	70,185,703,992	70,185,703,992
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>320,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>168,109,221,001</b>	<b>488,109,221,001</b>
<b>9 tháng đầu năm 2016</b>					
Số dư đầu kỳ	639,999,280,000	(5,666,100,000)	-	113,963,858,725	748,297,038,725
Lãi trong kỳ	-	-	-	33,549,688,232	33,549,688,232
Phân phối lợi nhuận	-	-	7,727,786,496	(57,873,793,219)	(50,146,006,723)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>639,999,280,000</b>	<b>(5,666,100,000)</b>	<b>7,727,786,496</b>	<b>89,639,753,738</b>	<b>731,700,720,234</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-HĐCĐ ngày 29/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất	100.00%	77,277,864,596
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10.00%	7,727,786,496
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.00%	3,863,893,248
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	57.97%	44,799,949,600
Lợi nhuận chưa phân phối	27.03%	20,886,235,252



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	15.63%	100,000,000,000	15.63%	100,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Hương	14.38%	92,005,790,000	14.38%	92,005,790,000
Các cổ đông khác	70.00%	447,993,490,000	70.00%	447,993,490,000
	<b>100%</b>	<b>639,999,280,000</b>	<b>100%</b>	<b>639,999,280,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	639,999,280,000	320,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	639,999,280,000	320,000,000,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	639,999,280,000	320,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44,799,949,600	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	44,799,949,600	-

**d) Cổ phiếu**

	30/09/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63,999,928	63,999,928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63,999,928	63,999,928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63,999,928	63,999,928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63,999,928	63,999,928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63,999,928	63,999,928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7,727,786,496	-
	<b>7,727,786,496</b>	<b>-</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	30/09/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	240,893.40	914,532.40

D.N. 02  
CỔ  
CỔ  
XUẤT NHẬP  
KHẨU  
QUẢNG BÌNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý 3/2016</u>	<u>Quý 3/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	884,541,994,756	1,116,567,898,204
Doanh thu bán thành phẩm	14,884,262,217	13,588,980,200
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32,839,455,007	17,636,581,162
	<u><b>932,265,711,980</b></u>	<u><b>1,147,793,459,566</b></u>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý 3/2016</u>	<u>Quý 3/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	877,579,807,964	1,092,998,959,642
Giá vốn của thành phẩm đã bán	11,641,839,286	11,623,204,251
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,544,664,904	1,565,813,022
	<u><b>891,766,312,154</b></u>	<u><b>1,106,187,976,915</b></u>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 3/2016</u>	<u>Quý 3/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	558,819,973	533,994,171
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	230,399,579	2,866,245,380
	<u><b>789,219,552</b></u>	<u><b>3,400,239,551</b></u>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 3/2016</u>	<u>Quý 3/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	13,750,902,906	6,070,564,301
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1,578,826,705	813,449,253
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5,186,713,582)	-
	<u><b>10,143,016,029</b></u>	<u><b>6,884,013,554</b></u>

10730  
NG  
PH  
HAP  
IG B  
T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58,964,057	84,398,213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143,565,063	137,918,487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,753,707,501	3,728,757,594
Chi phí khác bằng tiền	6,349,191	952,392
	<b>2,962,585,812</b>	<b>3,952,026,686</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99,588,514	123,183,303
Chi phí nhân công	1,092,681,534	929,665,832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	517,020,912	479,764,696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	571,653,109	520,373,498
Chi phí khác bằng tiền	350,918,818	194,031,438
	<b>2,631,862,887</b>	<b>2,247,018,767</b>

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12,602,079,029	7,844,861,780
Chi phí nhân công	1,801,125,281	1,739,736,874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,761,573,057	1,580,331,671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,302,055,869	4,631,450,038
Chi phí khác bằng tiền	666,702,658	200,261,737
	<b>20,133,535,894</b>	<b>15,996,642,100</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng 09 tháng đầu năm 2016**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015.



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Người lập



**Bùi Thị Ngọc**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2016